

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 3 năm 2024;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Đức Tài N, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số A T, Lô F Chung cư C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A T, Lô F Chung cư C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức Tài N có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà T và ông N có địa chỉ cư trú tại quận T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà T và ông N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 366, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/10/1998 thì bà T và ông N là vợ chồng hợp pháp. Ngày 12/12/2023, bà T và ông N có đơn yêu cầu Tòa án

giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/3/2024, bà T và ông N cùng thỏa thuận:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức Tài N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đức A – sinh năm 2003 - đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Đức L – sinh ngày 05/5/2008. Ly hôn, hai bên thỏa thuận bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[3] Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung của bà T và ông N là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Bà T và ông N cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Đức Tài N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đức A – sinh năm 2003 - đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Đức L – sinh ngày 05/5/2008. Giao trẻ L cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông [Nguyễn Đức Tài N](#) và bà [Phan Thị Thanh T](#) cùng chịu lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024392 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND TT.Dầu Tiếng, H.Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
(Giấy CNKH số 366, quyền số 02 ngày 10/10/1998);
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

TÔ TRẦN ÁI VY